

Số: 03 /KL-TTH

Thuận Nam, ngày 11 tháng 3 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của
Ủy ban nhân dân xã Nhị Hà

Thực hiện Quyết định thanh tra số 09/QĐ-TTH ngày 06/11/2023 của Chánh Thanh tra huyện về thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Nhị Hà; từ ngày 17/11/2023 đến ngày 27/11/2023, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Nhị Hà.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả thanh tra số 14/BC-ĐTT ngày 29/12/2023 của Trưởng Đoàn thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Nhị Hà; Văn bản (Mật) số 30/UBND-NC ngày 13/3/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc cho ý kiến ban hành kết luận thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Nhị Hà. Chánh Thanh tra huyện kết luận và báo cáo Chủ tịch UBND huyện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nhị Hà là xã vùng núi nằm về phía Tây cách trung tâm hành chính huyện Thuận Nam khoảng 15km, phía Đông và phía Bắc giáp xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, phía Tây giáp xã Phước Hà, phía Nam giáp xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; tổng diện tích đất tự nhiên là 5.109,43ha (đất nông nghiệp 3.421,51ha, đất phi nông nghiệp 625,2ha và đất chưa sử dụng 1.062,72ha).

Tổng số cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã, thôn là 40 người (cán bộ 12, công chức 08, những người hoạt động không chuyên trách xã 09, Công an Chính quy 04, không chuyên trách thôn 07); dân số toàn xã 1.305 hộ/4.629 khẩu, gồm 03 thôn và 14 tổ tự quản, dân tộc kinh chiếm 99% dân số, có 03 tôn giáo: Phật giáo, Thiên chúa giáo và Tin lành, chiếm 20% dân số.

Về tổ chức bộ máy, ngoài Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Lãnh đạo UBND; xã Nhị Hà có 07 ban chuyên môn, gồm: Quân sự, Công an, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường và Văn hóa - Xã hội; 06 tổ chức đảng, đoàn thể, gồm: Văn phòng Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam; 04 Hội quần chúng, gồm: Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Khuyến học và 03 thôn gồm: Nhị Hà 1, Nhị Hà 2, Nhị Hà 3.

Ban Tài chính xã có 03 người. Trong đó: Chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng ban Tài chính xã, 01 công chức phụ trách công tác Tài chính - Kế toán được đào tạo chuyên ngành (trình độ Đại học Tài chính - Kế toán) và 01 nhân viên Văn phòng kiêm Thủ quỹ.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Lập dự toán ngân sách xã: Trên cơ sở hướng dẫn của UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch); UBND xã lập dự toán ngân sách năm sau trình Hội đồng nhân dân xã quyết định.

1.1. Căn cứ lập dự toán ngân sách xã

Dự toán ngân sách xã được lập căn cứ vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội của xã; chính sách, chế độ thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách xã; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan có thẩm quyền ban hành; ...

1.2. Trình tự lập, quyết định dự toán ngân sách xã

- Ban Tài chính, kế toán xã phối hợp với đội thu thuế xã tính toán các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (trong phạm vi phân cấp cho xã quản lý).

- Các đơn vị, tổ chức thuộc UBND xã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi lập dự toán chi của đơn vị, tổ chức mình.

- Ban Tài chính, kế toán xã lập dự toán thu, chi và cân đối ngân sách xã trình UBND xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến trước khi gửi UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch). Thời gian báo cáo dự toán ngân sách xã bảo đảm theo quy định.

- Quyết định dự toán ngân sách xã: Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của UBND huyện, UBND xã hoàn chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao quản lý; dự toán thu, chi ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã báo cáo Ban Kinh tế - xã hội, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thẩm tra, Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, cho ý kiến, trình Hội đồng nhân dân xã quyết định. Sau khi dự toán ngân sách xã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, UBND xã báo cáo UBND huyện (phòng Tài chính - Kế hoạch) và Kho bạc Nhà nước huyện Thuận Nam để tổ chức thực hiện.

2. Chấp hành dự toán ngân sách xã

Căn cứ dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách xã cả năm đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, UBND xã quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách xã theo từng bộ phận gửi Kho bạc Nhà nước huyện để nhập dự toán và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán các khoản chi.

2.1. Thực hiện dự toán thu ngân sách xã: Tổng thu ngân sách xã năm 2022: 8.532.804.493 đồng, bao gồm:

a) Thu trong cân đối ngân sách: 3.947.945.331 đồng đạt 105,13%.

- Thu nội địa: 462.996.331 đồng, đạt 171,16%; tăng thu ngân sách xã: 208.496.331 đồng.

Trong 06 khoản thu được Hội đồng nhân dân xã quyết định, ngân sách xã được hưởng thì cả 06 khoản thu đạt và vượt dự toán, như sau:

+ Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 42.544.721 đồng, đạt 283,63%.

+ Lệ phí trước bạ nhà đất: 76.987.307 đồng, đạt 192,47%.

+ Thuế thu nhập cá nhân: 264.291.482 đồng, đạt 162,64%.

+ Thu phí và lệ phí: 37.413.000 đồng, đạt 124,71%.

+ Các khoản thu khác tại xã: 41.750.000 đồng, đạt 181,52%.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 9.821 đồng.

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách huyện: 3.484.949.000 đồng.

b) Thu ngoài cân đối ngân sách: 4.584.859.162 đồng.

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 312.806.794 đồng.

- Thu hồi các khoản chi năm trước: 37.075.000 đồng.

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 758.267.428 đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 3.476.709.940 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

2.2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách: Tổng chi ngân sách xã năm 2022: 8.326.680.221 đồng, bao gồm:

a) Chi trong cân đối: 4.077.775.696 đồng, đạt 88,23% dự toán.

- Chi thường xuyên: 4.077.775.696 đồng, đạt 89,69% dự toán. Trong 08 nhiệm vụ chi được Hội đồng nhân dân xã giao, thì:

+ Có 07 lĩnh vực chi trong dự toán giao, đó là: sự nghiệp văn hóa - thông tin: 21.015.000 đồng, đạt 93,38%; sự nghiệp phát thanh: 17.293.500 đồng, đạt 86,51%; sự nghiệp thể dục thể thao: 8.800.000 đồng, đạt 99,05%; sự nghiệp kinh tế: 821.000.000 đồng, đạt 100%; chi hành chính: 2.969.988.196 đồng, đạt 86,99%; an ninh - quốc phòng: 202.131.000 đồng, đạt 94,68%; chi khác ngân sách: 37.548.000 đồng, đạt 100%.

+ Có 01 lĩnh vực chi không thực hiện, đó là: chi sự nghiệp xã hội.

- Dự phòng ngân sách: nguồn dự phòng ngân sách xã bố trí đầu năm: 75.109.000 đồng, trong năm không sử dụng.

b) Chi ngoài cân đối: 4.248.904.525 đồng.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.522.834.053 đồng.

- Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 37.075.000 đồng.

- Chi chuyển nguồn năm sau: 2.688.995.472 đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 02)



3. Kế toán và quyết toán ngân sách xã

3.1. Về công tác kế toán: UBND xã Nhị Hà đã chấp hành các quy định về chứng từ kế toán, sổ kế toán; việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán; việc bố trí người làm công tác kế toán và việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán và các quy định khác về kế toán.

3.3. Báo cáo quyết toán: Quyết toán chi ngân sách xã nhỏ hơn quyết toán thu ngân sách xã; báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định (*chưa ban hành Thông báo thẩm tra/quyết toán năm 2022*) và đã được Ủy ban nhân dân xã thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Tuy nhiên, việc lập báo cáo quyết toán chưa đảm bảo thời gian quy định tại điểm b, khoản 6, điều 2 Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

4. Tổ chức quản lý các hoạt động tài chính khác của xã

4.1. Các quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã (quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ đường bộ, quỹ đất).

- Trong năm, Ban Tài chính - Kế toán xã đã thực hiện nhiệm vụ giúp UBND xã quản lý các quỹ trên (thực hiện thu, chi; mở sổ theo dõi riêng; tổ chức hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ theo quy định). Kinh phí của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

- UBND xã báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của từng quỹ cho Hội đồng nhân dân xã và phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

4.2. Tài chính các hoạt động sự nghiệp của xã (phí vệ sinh môi trường).

UBND xã giao cho hộ kinh doanh gia đình ông Nguyễn Thanh Nhị cư ngụ tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam trực tiếp thực hiện, UBND xã báo cáo kết quả thực hiện trình Hội đồng nhân dân xã.

4.3. Các hoạt động tài chính khác

- Hoạt động tài chính ngoài ngân sách (*đảng phí, hội phí phụ nữ, hội phí nông dân, hội phí Đoàn thanh niên, hội phí Cựu chiến binh*): các Hội đã giúp UBND xã thực hiện mở sổ theo dõi thu - chi theo quy định.

- Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ (*hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hỗ trợ nhà ở cho người nghèo*): Bộ phận Tài chính - Kế toán xã giúp UBND xã thực hiện các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ theo chế độ quy định.

(Chi tiết tại phụ lục số 03)

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Ưu điểm: Trong năm 2022, UBND xã đã có nhiều cố gắng trong việc quản lý thu ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã; các khoản thu đạt và vượt dự toán ngân sách thuộc trách nhiệm quản lý của mình được UBND huyện và Hội đồng nhân dân xã giao; cân đối được nhiệm vụ chi thường xuyên; việc sử dụng các nguồn tài chính khác bảo đảm quy định.

1.2. Hạn chế: Báo cáo quyết toán ngân sách xã năm 2022 lập chưa đảm bảo thời gian quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 2 Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

2. Kiến nghị: Từ những kết luận trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật hiện hành, Chánh Thanh tra huyện đề nghị UBND xã Nhị Hà thực hiện các nội dung, cụ thể như sau:

- Tổ chức rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra việc quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách của UBND xã Nhị Hà.

- Niêm yết công khai Kết luận thanh tra này, ít nhất 15 ngày liên tục tại Trụ sở làm việc UBND xã Nhị Hà.

- Báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra huyện trong vòng 30 ngày, kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực hiện Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy;
- Thường trực huyện ủy;
- Ủy ban Kiểm tra huyện ủy;
- CT. các PCT.UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- UBND xã Nhị Hà;
- Lưu: VT, ĐTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Văn Cường



Phụ lục số 03

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 13/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Diễn giải	Năm trước chuyển sang	Kế hoạch năm 2022			Thực hiện năm 2022			Ghi chú
			Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch	
1	Các quỹ tài chính ngoài ngân sách	21.011.502	0	0	0	378.596	2.590.000	18.800.098	
-	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	7.035.000			0	20.725	2.590.000	4.465.725	
-	Quỹ đường bộ	253.013				850	0	253.863	
-	Quỹ đất	13.723.489				357.021		14.080.510	
2	Các hoạt động sự nghiệp		172.290.000	172.290.000	0	172.290.000	172.290.000	0	
-	Vệ sinh môi trường		172.290.000	172.290.000		172.290.000	172.290.000	0	
3	Các hoạt động tài chính khác	23.389.500	75.419.388	0	75.419.388	142.509.388	135.907.388	29.991.500	
a.	Hoạt động tài chính ngoài ngân sách	23.389.500	0	0	0	17.090.000	10.488.000	29.991.500	
-	Đàng phí	23.389.500			-	17.090.000	10.488.000	29.991.500	Tiền mặt tại xã
-	Hội phi phụ nữ								
-	Hội phi Nông dân								
-	Hội phi Đoàn thanh niên								
-	Hội phi CCB								
b.	Các khoản được ủy thác thu hộ, chi hộ	-	75.419.388	75.419.388	-	125.419.388	125.419.388	-	
-	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo		75.419.388	75.419.388		75.419.388	75.419.388	0	
-	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo					50.000.000	50.000.000	0	
	Tổng cộng	44.401.002	247.709.388	172.290.000	75.419.388	315.177.984	310.787.388	48.791.598	

13/2/2024



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 21/3/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	SO SÁNH	
		UBND huyện giao	HĐND xã quyết định		Số tuyệt đối	Số tương đối
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
I	CHI TRONG CÂN ĐỐI	3.780.151.000	4.621.547.531	4.077.775.696	-532.407.835	88.23
1	Chi thường xuyên	3.705.042.000	4.546.438.531	4.077.775.696	-457.298.835	89.69
a	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	22.505.000	22.505.000	21.015.000	-1.490.000	93.38
b	Sự nghiệp phát thanh	11.179.000	19.990.000	17.293.500	-2.696.500	86.51
c	Sự nghiệp thể dục thể thao	8.884.000	8.884.000	8.800.000	-84.000	99.05
d	Sự nghiệp kinh tế	821.000.000	821.000.000	821.000.000	0	100.00
-	Thực hiện chính sách bảo vệ phát triển đất trồng lúa	806.000.000	806.000.000	806.000.000	0	
-	Phòng cháy, chữa cháy rừng; thiết bị phòng cháy chữa cháy các thôn	15.000.000	15.000.000	15.000.000	0	
đ	Sự nghiệp xã hội	8.811.000	8.811.000	0	-8.811.000	0.00
e	Hành chính	2.732.913.000	3.414.205.531	2.969.988.196	-444.217.335	86.99
-	Quản lý nhà nước	2.120.806.000	2.336.434.531	1.929.226.130	-407.208.401	
-	Đảng	78.605.000	377.279.000	370.417.626	-6.861.374	
-	Đoàn thể, Hội quần chúng	533.502.000	700.492.000	670.344.440	-30.147.560	
+	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	92.000.000	168.000.000	167.895.465	-104.535	
+	Đoàn thanh niên cộng sản HCM	95.000.000	98.000.000	97.627.208	-372.792	
+	Hội Liên hiệp phụ nữ	93.000.000	91.000.000	90.618.746	-381.254	
+	Hội Nông dân	129.000.000	129.000.000	117.457.360	-11.542.640	
+	Hội Cựu chiến binh	95.000.000	98.200.000	98.021.221	-178.779	
+	Các hội quần chúng khác	29.502.000	116.292.000	98.724.440	-17.567.560	
g	An Ninh - Quốc Phòng	85.711.000	213.495.000	202.131.000	-11.364.000	94.68
-	Quốc phòng	71.427.000	168.927.000	168.652.000	-275.000	
-	An ninh	14.284.000	44.568.000	33.479.000	-11.089.000	
h	Chi khác ngân sách	14.039.000	37.548.000	37.548.000	0	100.00
2	Dự phòng	75.109.000	75.109.000	0	-75.109.000	0.00

II	CHI NGOÀI CÂN ĐỐI	0	0	4.248.904.525	5.771.738.578	
1	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu		0	1.522.834.053	1.522.834.053	
-	<i>Chi đầu tư phát triển</i>			<i>1.522.834.053</i>	<i>1.522.834.053</i>	
2	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	0	0	37.075.000	37.075.000	
3	Chi chuyển nguồn năm sau			2.688.995.472	2.688.995.472	
	TỔNG CỘNG			8.326.680.221	5.239.330.743	88



Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Kết luận thanh tra số 03 /KL-TTH ngày 21/3/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	NỘI DUNG	DỰ TOÁN						THỰC HIỆN			SO SÁNH	
		UBND huyện giao		HĐND xã quyết định		NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	Số tuyệt đối	Số tương đối	
		NSNN	NS xã	NSNN	NS xã							
A	B	1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=6/4			
A	THU TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	3.829.949.000	3.755.449.000	3.829.949.000	3.755.449.000	4.080.459.932	3.947.945.331	192.496.331	105.13			
I	Thu nội địa	345.000.000	270.500.000	345.000.000	270.500.000	595.510.932	462.996.331	208.496.331	171.16			
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp NQD	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	42.544.721	42.544.721	27.544.721	283.63			
-	Thuế giá trị gia tăng	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	38.544.721	38.544.721	23.544.721				
-	Lệ phí môn bài			0		4.000.000	4.000.000	4.000.000				
2	Lệ phí trước bạ	50.000.000	40.000.000	50.000.000	40.000.000	96.234.130	76.987.307	36.987.307	192.47			
-	Trước bạ đất	50.000.000	40.000.000	50.000.000	40.000.000	96.234.130	76.987.307	36.987.307				
3	Thuế thu nhập cá nhân	227.000.000	162.500.000	227.000.000	162.500.000	377.559.260	264.291.482	113.791.482	162.64			
-	Thu nhập cá nhân từ CNBĐS	215.000.000	150.500.000	215.000.000	150.500.000	377.559.260	264.291.482	113.791.482				
-	Thuế thu nhập cá nhân từ SXKD, tiền lương, tiền công	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	0	0	-12.000.000				
4	Thu phí và lệ phí	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	37.413.000	37.413.000	11.413.000	124.71			
-	Lệ phí môn bài	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000							
-	Phí hộ tịch	26.000.000	26.000.000	26.000.000	26.000.000	37.413.000	37.413.000	11.413.000				
5	Các khoản thu tại xã	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	41.750.000	41.750.000	18.750.000	181.52			

Stt	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				THỰC HIỆN		SO SÁNH	
		UBND huyện giao		UBND xã quyết định					
		NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	NSNN	NS xã	Số tuyệt đối	Số tương đối
A	B	1	2	3	4	5	6	7=6-4	8=6/4
-	Thu phạt lĩnh vực tài nguyên môi trường					3.950.000	3.950.000		3.950.000
-	Thu quỹ đất công ích					37.800.000	37.800.000		37.800.000
6	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp					9.821	9.821		9.821
II	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách huyện	3.484.949.000	3.484.949.000	3.484.949.000	3.484.949.000	3.484.949.000	3.484.949.000		0
B	THU NGOÀI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	0	0	0	0	4.584.859.162	4.584.859.162		4.584.859.162
I	Thu kết dư ngân sách năm trước					312.806.794	312.806.794		312.806.794
2	Thu hồi các khoản chi năm trước					37.075.000	37.075.000		37.075.000
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					758.267.428	758.267.428		758.267.428
4	Bổ sung có mục tiêu					3.476.709.940	3.476.709.940		3.476.709.940
	TỔNG CỘNG	3.829.949.000	3.755.449.000	3.829.949.000	3.755.449.000	8.665.319.094	8.532.804.493	4.777.355.493	227.21